

Bản án số: 186/2025/HS-PT

Ngày 12 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Yến

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Trần Đức Hiếu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:**

Bà Vũ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 1064/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Xuân H1 do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đối với bản án hình sự sơ thẩm số 119/2024/HS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

NGUYỄN XUÂN H1, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1970, tại thành phố H; HKTT và nơi cư trú: Đ, thôn N, xã Đ, huyện T, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Nguyễn Xuân H2; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị D (đã chết), Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Họ tên vợ: Nguyễn Thị Hải Đ; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm: 1993, nhỏ sinh năm: 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo và không bị kháng nghị:*

Ông **Bùi Đình B**, sinh năm 1964, trú tại: Tổ G, phường Đ, quận B, thành phố H (Tập thể Đại học Mỏ địa chất, phường Đ, quận B, thành phố H). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

Ông **Lê Hoàng S**; Sinh năm: 1977; Nơi thường trú: Căn hộ C nhà A, chung cư huyện uỷ T, thị trấn V, huyện T, H. Có mặt.

Trong vụ án này có bị hại Nguyễn Chí L không kháng cáo và không bị kháng nghị. Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện T ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với người trúng đấu giá là vợ chồng ông Lê Hoàng S và bà Nguyễn Thị Thúy N, tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 123, số tờ bản đồ 20, ở xã Đ, huyện T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 208038, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 0817.QSDD/1734-H do UBND huyện T cấp ngày 17/12/2004. Chi cục thi hành án dân sự huyện T đã ra Quyết định về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 14/QĐ-CCTHADS ngày 19/11/2020 và Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 03/QĐ-CCTHADS ngày 22/3/2021, theo đó: Cưỡng chế thi hành án đối với bà Lê Kim T, ông Nguyễn Xuân H2 và những người đang ở trên thửa đất số 123, tờ bản đồ số 20 tại thôn N, xã Đ, huyện T chuyển giao quyền sử dụng đất cho ông Lê Hoàng S.

Khoảng 09 giờ 25 phút ngày 13/9/2023, ông Lê Hoàng S mời Văn phòng thừa phát lại T1, cùng với các bạn là ông Bùi Đình B và anh Nguyễn Chí L đi đến thửa đất trúng đấu giá trên, ở địa chỉ ngõ A, thôn N, xã Đ, huyện T, Hà Nội thì thấy cổng ra vào đã bị xây bịt lại bằng tường gạch.

Do cổng ra vào đã bị xây bịt lại nên ông S phá dỡ một phần bức tường kích thước khoảng 50x50cm để vào bên trong thửa đất và cùng Văn phòng thừa phát lại Thủ Đô kiểm tra hiện trạng tài sản bên trong thửa đất thuộc quyền sở hữu của ông S. Ông Lê Hoàng S dẫn đại diện Văn phòng thừa phát lại T1 cùng những người bạn di chuyển vào bên trong thửa đất để ghi nhận hiện trạng tài sản. Ông S mở cửa ngôi nhà 02 tầng (gồm 02 tầng và 01 tầng tum) và dẫn đại diện của Văn phòng thừa phát lại di chuyển vào trong nhà, lần lượt đi các phòng từ tầng 1 đến tầng tum để ghi nhận hiện trạng ngôi nhà. Khi đang kiểm tra hiện trạng tầng tum thì đại diện Văn phòng thừa phát lại Thủ Đô phát hiện một số người đàn ông lạ mặt, trong đó có Nguyễn Xuân H1 (con trai ông Nguyễn Xuân H2) yêu cầu ông S, người của Văn phòng thừa phát lại Thủ Đô và những người đi cùng ông S di chuyển ra khỏi thửa đất. H1 đi vào trong thửa đất và lấy 01 thanh gỗ (là thang giường bằng gỗ; hình hộp bằng gỗ đặc; dài 1,6m; kích thước hộp 04x04cm) dựng ở sát tường căn nhà cấp 4 vừa đi về phía ông S, ông B và anh L vừa chửi “chúng mày cướp đất nhà tao”. Ngay về phía sau đó, H1 cầm thanh gỗ bằng hai tay đánh 01 phát theo chiều ngang người anh L. Anh L giơ tay trái lên đỡ thì H1 tiếp tục đánh trúng 02 phát vào lưng của anh L, làm anh L bị thương tích ở cẳng tay trái và lưng. Tiếp đó, H1 dùng thanh gỗ tiếp tục đánh 01 phát trúng vào phần mông của ông S và đánh trúng 01 phát trúng vào cẳng chân phải của ông B, gây thương tích cho ông S và ông B. Anh L, ông B đi ra khỏi thửa đất. Ông S ở lại nói chuyện với ông H2 và H1. Sau đó, ông S, ông B, anh L đến bệnh viện Đ1 để khám thương

Hồi 19 giờ 20 phút ngày 13/9/2023, ông Lê Hoàng S đến Công an xã Đ trình báo nội dung vụ việc. Cùng ngày, Nguyễn Xuân H1 đến Công an xã Đ khai nhận hành vi như đã nêu trên. Nguyễn Xuân H1 tự nguyện giao nộp 01 thanh gỗ (dạng thang giường) dài 160cm hình hộp, kích cỡ mỗi cạnh 04cm.

Ngày 14/9/2023, anh Nguyễn Chí L và ông Bùi Đình B đến Công an xã Đ trình báo nội dung vụ việc như đã nêu trên. Tại Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1344/KH-TTBA ngày 22/9/2023 của Bệnh viện Đ1 thể hiện: Anh Nguyễn Chí L vào viện ngày 13/9/2023 trong tình trạng: Sưng nề, trầy sát ấn đau cứng tay trái, khối sưng nề bầm tím khoảng 5x2cm, mềm, ấn đau; ấn đau vùng ngực, vai, thắt lưng, đùi trái.

Tại tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1345/KH-TTBA ngày 22/9/2023 của Bệnh viện Đ1 thể hiện: Anh Lê Hoàng S vào viện ngày 13/9/2023 trong tình trạng: Sưng nề, tấy đỏ, ấn đau vùng mông hai bên. Tại Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1346/KH-TTBA ngày 22/9/2023 của Bệnh viện Đ1 thể hiện: Anh Bùi Đình B vào viện ngày 13/9/2023 trong tình trạng: Trầy sát, ấn đau cứng chân phải. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với thương tích của ông Lê Hoàng S, anh Nguyễn Chí L và ông Bùi Đình B.

Tại bản kết luận giám định số 1554/KLTTCT-TTPY ngày 25/10/2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y kết luận của ông Lê Hoàng S như sau: "1.1. Chạm thương phần mềm vùng mông không tổn thương xương, không ảnh hưởng chức năng, không để lại sẹo, vết biến đổi sắc tố da: 00%.

2. Kết luận: 2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lê Hoàng S tại thời điểm giám định trong vụ việc ngày 13/9/2023 là không có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

2.2. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: Thương tổn của anh Lê Hoàng S do vật tày gây ra."

Tại bản kết luận giám định số 1528/KLTTCT-TTPY ngày 20/10/2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y kết luận của anh Nguyễn Chí L như sau: "1.1. Các vết biến đổi sắc tố da cứng tay trái: 01%

1.2. Các chạm thương phần mềm vùng vai, ngực, thắt lưng, đùi trái không tổn thương xương, không ảnh hưởng chức năng, không để lại sẹo vết thương 00%.

2. Kết luận: 2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Chí L1 tại thời điểm giám định trong vụ việc ngày 13/9/2023 là: 01% (một phần trăm), áp dụng tại thông tư 22/2019/TT-BYT

2.2. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: Thương tổn của anh Nguyễn Chí L1 do vật tày gây ra. "Tại bản kết luận giám định số 1533/KLTTCT-TTPY ngày 20/10/2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y kết luận của ông Bùi Đình B như sau:" 1.1. Các sẹo sây sát da vùng cứng chân phải: 01%

2. Kết luận: 2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Bùi Đình B tại thời điểm giám định trong vụ việc ngày 13/9/2023 là: 01% (một phần trăm), áp dụng tại thông tư 22/2019/TT-BYT

2.2. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của anh Bùi Đình B do vật tày có cạnh gây ra." Tại Cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Xuân H1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị can H1 phù hợp với lời khai của người bị hại và những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu

thập được. Về dân sự: Ông Bùi Đình B, ông Nguyễn Chí L và ông Lê Hoàng S đề nghị Nguyễn Xuân H1 phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Đối với 01 thanh gỗ (dạng thang giường) dài 160cm hình hộp, kích cỡ mỗi cạnh 04cm do Nguyễn Xuân H1 giao nộp là công cụ H1 sử dụng vào việc phạm tội nên cần tiếp tục tạm giữ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSTT ngày 01/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2024/HS- ST ngày 21/6/2024, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân H1 phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân H1 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn kháng cáo.

Ngày 01/7/2024, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm và tuyên bố bị cáo không có tội. Hành vi tổ chức bán đấu giá tài sản, việc giải quyết khiếu nại đơn tố cáo của bị cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện T không đúng quy định pháp luật, có dấu hiệu tham ô tài sản.

Ngày 28/6/2024, bị hại là ông Bùi Đình B có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm, hình phạt đối với bị cáo không thỏa đáng và không đủ tính răn đe. Đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Ngày 28/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Hoàng S có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm; hình phạt đối với bị cáo không đủ sức răn đe. Ông S đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo về tội Xâm phạm chỗ ở, Hủy hoại tài sản của người khác, Gây rối trật tự công cộng để đảm bảo công bằng pháp luật. Đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hoàng S giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H sau khi phân tích nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, ông B, ông S và giữ nguyên án sơ thẩm. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H1 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phù hợp quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và kết án đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/9/2023, tại thửa đất số 123, số tờ bản đồ 20, ở ngõ A, thôn N, xã Đ, huyện T, Hà Nội, xuất phát từ mâu thuẫn về việc ông Lê Hoàng S đến kiểm tra hiện trạng thửa đất đã trúng đấu giá (chủ sử dụng trước đó là ông Nguyễn Xuân H2), Nguyễn Xuân H1 (con trai của ông H2) đã dùng 01 thanh gỗ (dạng thang giường, dài 160 cm hình hộp, kích cỡ mỗi cạnh 04 cm) đánh vào tay, lưng anh Nguyễn Chí L, làm anh L bị tổn thương cơ thể 01%; H1 tiếp tục dùng thanh gỗ trên đánh vào cẳng chân phải ông Bùi Đình B, làm ông B bị tổn thương có thể 01%. Mặc dù gây ra thương tích không lớn cho bị hại nhưng bị cáo lại sử dụng thanh gỗ dạng thang giường dài 1,6m hình hộp 4x4cm là hung khí nguy hiểm để gây án.

Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu rèn luyện, tu dưỡng, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm vào quyền được bảo vệ sức khỏe của công dân đã được pháp luật bảo vệ. Bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo thực hiện gây thương tích cho bị hại là do phòng vệ, khi ông S và một số người đến đập phá bức tường xông vào nhà đánh bị cáo nên bị cáo phòng vệ. Quá trình điều tra xác định không có ai gây thương tích cho bị cáo, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu nào khác, bị cáo thừa nhận thương tích của ông B, anh L2 do bị cáo gây ra.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H1 phạm tội “ Cố ý gây thương tích ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là không oan, có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bị hại là ông Lê Hoàng S là người trúng đấu giá tài sản qua 07 lần đấu giá công khai, minh bạch, đã được cơ quan có thẩm quyền bàn giao tài sản; gia đình Nguyễn Xuân H1 cũng đã ký biên bản bàn giao tài sản. Song, bị cáo chỉ vì những bức xúc liên quan đến việc bị cưỡng chế thi hành án và việc bán đấu giá tài sản trước đây của gia đình mà đã không kiềm chế và vẫn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền được bảo vệ sức khỏe của công dân đã được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Xét, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo chủ động đến cơ quan điều tra khai báo, tự nguyện giao nộp thanh gỗ dạng thang giường dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã trình bày nguyện vọng được tự nguyện bồi thường cho bị hại, mỗi người 2.000.000 đồng tiền viện phí, thuốc men, thể hiện ý thức chủ động, tự giác bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ: bị cáo là người lớn tuổi và các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo bằng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, ấn định thời gian thử thách hợp lý là có căn cứ và thể hiện tính khoan hồng và nhân văn của pháp luật. Bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự và biện pháp xử lý hình sự. Đây là sự trừng trị nghiêm khắc của Nhà nước đối với bị cáo, cũng là bài học để bị cáo nâng cao hơn nữa ý thức tôn trọng và phải chấp hành pháp luật nghiêm túc và đầy đủ.

Cũng theo đơn kháng cáo, bị cáo cho rằng hành vi tổ chức bán đấu giá tài sản, giá trị tài sản định giá thấp hơn giá trị thực tế của tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và Chấp hành viên đã vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bán đấu giá tài sản, việc Cục Thi hành án dân sự thành phố H chuyển đơn tố cáo của bị cáo đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để giải quyết là không đảm bảo khách quan, vi phạm quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự; hành vi chiếm đoạt 470.000.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự huyện T có dấu hiệu tham ô tài sản: Từ trước đến nay, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đã cùng một số Công ty bàn bạc để đấu giá thành công rất nhiều tài sản nhà đất. Do đó, bị cáo đề nghị thanh tra, kiểm tra hoạt động của thi hành án, tổ chức bán đấu giá tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, từ đó hủy kết quả bán đấu giá tài sản, đề nghị khởi tố vụ án Tham ô và Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Về nội dung này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bị cáo không đồng ý với quy trình, kết quả đấu giá tài sản và cho rằng có dấu hiệu vụ án hình sự liên quan đến việc bán đấu giá tài sản, bị cáo có quyền làm đơn thể hiện quan điểm, ý kiến của bản thân và gia đình đến cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định pháp luật. Nội dung này không liên quan đến việc xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án. Bị cáo vẫn phải chịu trách

nhiệm trước pháp luật hình sự về hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở và căn cứ xem xét yêu cầu này của bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo của bị hại là ông Bùi Đình B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Đình S1 cho rằng hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội xâm phạm chỗ ở, hủy hoại tài sản, Cố ý gây thương tích cho nhiều người một lúc, có tính chất côn đồ, Hội đồng xét xử xét thấy: Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và kết luận chỉ có bị cáo Nguyễn Xuân H1 thực hiện hành vi cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự (“dùng vũ khí, vật liệu nổ hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người”) là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật. Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không đề nghị khởi tố, truy tố và xét xử bị cáo theo tình tiết tăng nặng định tội “có tính chất côn đồ”, “gây thương tích cho nhiều người một lúc” nên trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể đặt ra xem xét theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự. Trường hợp ông B và ông S1 cho rằng có dấu hiệu xâm phạm chỗ ở thì ông B và ông S1 có quyền làm đơn đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong vụ án này, tại điểm g Khoản 2 Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Lê Đình S1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng, tuy nhiên, khi nhận đơn kháng cáo phải giải thích cho ông Lê Đình S1 về việc ông Lê Đình S1 kháng cáo về tội danh, hình phạt, trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không đúng phạm vi kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Vấn đề này cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không xuất trình tài liệu nào mới. Trên cơ sở xem xét toàn diện vụ án, căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại là ông Bùi Đình B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Đình S1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Xuân H1 phải án phí hình sự phúc thẩm; bị hại (có đơn yêu cầu khởi tố, vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại) là ông Bùi Đình B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Hoàng S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[2.4] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là Nguyễn Xuân H1, bị hại là ông Bùi Đình B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hoàng S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 119/2024/HS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **NGUYỄN XUÂN H1** 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phạt chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Xuân H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Ông Bùi Đình B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Ông Lê Hoàng S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/3/2025./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

LÊ HẢI YẾN